**Phân tích Đây thôn Vĩ Dạ - Mẫu 8**

Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ nổi tiếng của nền thơ ca Việt Nam. “Đây thôn Vĩ Dạ” là một trong những tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ. Bài thơ đã để lại cho người đọc sâu sắc về một hồn thơ thật độc đáo.

Đến với khổ thơ đầu tiên, người đọc sẽ cảm nhận được một bức tranh thiên nhiên nơi thôn Vĩ tuyệt đẹp:

*“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*  
*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*  
*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*  
*Lá trúc che ngang mặt chữ điền”*

Bài thơ được bắt đầu bằng một câu hỏi: “Sao anh không về chơi thôn Vĩ?”. Câu hỏi gợi cho người đọc hai cách hiểu. Đó có thể là lời hỏi của người thôn Vĩ dành cho tác giả. Vì theo như lời được kể lại thì nguồn cảm hứng để Hàn Mặc Tử sáng tác bài thơ bắt nguồn từ lời thăm hỏi của cô gái thôn Vĩ khi nhà thơ đang mắc bệnh hiểm nghèo. Cô đã gửi một tấm bưu thiếp là bức tranh nơi thôn Vĩ cùng với lời nhắn gửi sao anh không về thăm lại thôn Vĩ. Đó cũng có thể là lời của chính tác giả, Hàn Mặc Tử đang tự phân thân để hỏi chính mình. Nhà thơ lúc này tuy khao khát, nhớ nhung quê hương nhưng không thể trở về. Dù hiểu theo cách nào thì chúng ta cũng thấy được nỗi nhớ quê cũng như mong muốn được về thôn Vĩ của nhà thơ.

Những câu thơ tiếp theo đã khắc họa hình ảnh thiên nhiên thôn Vĩ Dạ. Hình ảnh đầu tiên hiện ra: “Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên”. Ánh nắng của buổi bình minh đã bao trùm khắp làng quê. Cách sử dụng điệp ngữ “nhìn nắng” - “nắng mới” thể hiện một không gian tràn đầy sức sống. Thứ ánh sáng của ngày mới đầy tinh khôi, ấm áp mang đến cho con người một luồng sinh khí mới. Tiếp đến câu thơ thứ ba lại là một câu hỏi tu từ: “Vườn ai mướt quá xanh như ngọc”. “Ai” là đại từ phiếm chỉ, nhà thơ không biết khu vườn kia là của ai. Từ “mướt” gợi cảm giác về một màu xanh của sự sống, lấp lánh khắp khu vườn. Cách so sánh “xanh như ngọc” khiến ta liên tưởng đến câu thơ của Xuân Diệu:

*“Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá,*  
*Thu đến - nơi nơi động tiếng huyền”*

(Thơ duyên)

Cuối cùng, nhà thơ khắc họa vẻ đẹp của con người xứ Huế trong câu thơ: “Lá trúc che ngang mặt chữ điền”. Trong không gian thiên nhiên đó, con người chỉ thoáng xuất hiện. Hình ảnh trên lại gợi cho người đọc hai cách hiểu. Khuôn mặt chữ điền của người thôn Vĩ thấp thoáng sau tán trúc. Khuôn mặt chữ điền gợi ra vẻ hiền lành phúc hậu, phải chăng đó là khuôn mặt của người con gái Hàn Mặc Tử thầm thương? Hay cũng có thể đó là khung cửa sổ hình chữ điền thấp thoáng sau lá trúc. Dù là cách hiểu nào thì Hàn Mặc Tử cũng đều muốn thể hiện vẻ đẹp của con người xứ Huế cũng như tình cảm dành cho con người, cảnh vật nơi đây.

Đối lập với bức tranh thiên nhiên đầy tươi sáng nơi thôn Vĩ, là bức tranh sông nước đêm trăng:

*“Gió theo lối gió, mây đường mây,*  
*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay”*

Hai câu thơ mở đầu của khổ thơ thứ hai, tuy là tả cảnh nhưng khi đọc lên lại thấy nhuốm màu tâm trạng. Hình ảnh thiên nhiên gợi ra sự chia ly “gió theo lối gió, mây đường mây”. Nếu trong tự nhiên, gió và mây vốn là những sự vật luôn quấn quýt, gắn bó với nhau thì ở đây Hàn Mặc Tử lại để “mây và gió” chia cách đôi ngả. Ta tự hỏi đó là sự chia ly của thiên nhiên hay của chính con người? Và đến cả dòng nước - một sự vật vô tri, vô giác nhưng qua cái nhìn của nhà thơ giờ đây cũng có cảm xúc. Dòng nước “buồn thiu” - biện pháp tu từ nhân hóa khiến con sông giống như một con người, có tâm trạng. Cuối cùng là hình ảnh “hoa bắp lay” - bông hoa bắp nhỏ bé trôi theo dòng nước cũng giống như cuộc đời lưu lạc trôi nổi của con người.

Và bức tranh sông nước trong đêm trăng thì sao có thể thiếu mất đi ánh trăng:

*“Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*  
*Có chở trăng về kịp tối nay?”*

“Trăng” đã trở thành một biểu tượng quen thuộc của thi ca. Đặc biệt trong thơ Hàn Mặc Tử thì ánh trăng xuất hiện rất nhiều. Trăng có lúc được ẩn dụ, lúc được nhân hóa làm cho nó mang một phong cách độc đáo và khác lạ, kiểu như:

*“Trăng nằm sóng soài trên cành liễu*  
*Đợi gió đông về để lả lơi”*

(Bẽn lẽn)

Hay ánh trăng có lúc trở nên thật điên cuồng:

*“Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy*  
*Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra*”

(Say trăng)

Còn ở “Đây thôn Vĩ Dạ” lại là “sông trăng” - gợi ra hình ảnh ánh trăng vàng in bóng xuống mặt nước. Ánh trăng lan tỏa ra khắp dòng sông tạo nên một dòng sông trăng. Kết thúc khổ thơ là câu hỏi tu từ “Có chở trăng về kịp tối nay?”. Từ “kịp” được tác giả sử dụng nhằm thể hiện tâm trạng lo âu. Bởi với một người bình thường, nếu không kịp trở về vào “tối nay” thì sẽ còn những đêm khác, Còn với Hàn Mặc Tử, thì đêm nào cũng có thể là đêm cuối cùng.

Khổ thơ cuối là dòng tâm trạng của nhân vật trữ tình:

*“Mơ khách đường xa, khách đường xa*  
*Áo em trắng quá nhìn không ra*  
*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh*  
*Ai biết tình ai có đậm đà?”*

Giữa không gian mơ hồ giữa “ảo và mộng” của “cảnh và người”. Khung cảnh vận động từ thực đến ảo, từ khu vườn thôn Vĩ Dạ đến sông trăng và cuối cùng chìm vào tâm thức mờ ảo của sương khói. Điệp ngữ “khách đường xa” như một tiếng gọi tha thiết, Hàn Mặc Tử nhớ về quê hương để rồi phải mặc cảm trong sự chia cách. Câu hỏi tu từ “Ai biết tình ai có đậm đà?” là lời nhân vật trữ tình vừa là để hỏi người và vừa để hỏi mình, nửa gần gũi nửa xa xăm, nửa hoài nghi nửa như giận hờn, trách móc. Khi dùng đại từ phiếm chỉ “ai” làm tăng thêm nỗi cô đơn, trống vắng của một tâm hồn khát khao được sống, được yêu. Câu thơ làm nhòe mờ hình tượng của khách thể và chủ thể trữ tình, tạo nên một nỗi ám ảnh về nỗi đau trong cõi mênh mông vô tận, tâm trạng hụt hẫng và đầy tuyệt vọng của nhà thơ.

Qua phân tích trên, người đọc có thể cảm nhận được một hồn thơ mãnh liệt, luôn khát khao giao cảm với cuộc đời của Hàn Mặc Tử. Bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” khơi gợi được những cảm xúc trong sáng mà đầy sâu sắc.